TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14/7/2020
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Khuất Thị Minh Hiền

Bà Thạch Thị Lan Nhung

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Sơn Linh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Tòa án Lâm Hà giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Kim N, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Số xxx, tổ dân phố Y, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Trần Thanh L, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Số xxx, tổ dân phố Y, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà N có mặt, ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim N trình bày: Bà Trịnh Thị Kim N và ông Trần Thanh L chung sống với nhau từ năm 1994, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 22/12/2000.

Quá trình chung sống vợ chồng ông, bà hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông, bà có nhiều bất đồng về tính cách, lối sống, quan điểm sống, ngoài ra ông L còn thường xuyên uống rượu về đánh đập, chửi mắng bà nên không khí gia đình thường xuyên căng thẳng, mệt mỏi. Bà đã nhiều lần nói chuyện để vợ chồng cải thiện tình cảm nhưng không được, vợ chồng đã nhiều lần sống ly thân rồi quay về chung sống với nhau nhưng chỉ được một thời gian ngắn vợ chồng lại nảy sinh mâu thuẫn. Trước đây bà cũng đã làm đơn ly hôn gửi đến Tòa án nhưng ông L hứa sửa chữa nên bà đã rút đơn về song ông L không thay đổi, từ đó mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên bà N yêu cầu được ly hôn. Về con chung bà N xác định vợ chồng có hai con chung là Trần Minh C, sinh ngày 23/7/1997 và Trần Minh Thắng, sinh ngày 15/01/2004. Khi ly hôn bà N muốn nhận nuôi cháu Thắng và không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con, còn cháu C hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên bà N không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Bà Trịnh Thị Kim N xác định bà và ông Trần Thanh L tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Về nợ chung: Bà Trịnh Thị Kim N xác định bà và ông Trần Thanh L không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn ông Trần Thanh L trình bày: Ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Trịnh Thị Kim N, ông xác định vợ chồng có hai con chung là Trần Minh C, sinh ngày 23/7/1997 hiện nay cháu C đang đi học nghề ở Thành phố Hồ Chí Minh và Trần Minh T, sinh ngày 15/01/2004, hiện nay cháu Thắng đã nghỉ học và đi làm thuê. Ngoài ra ông L không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình còn ông Lvắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình còn ông L vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà Trịnh Thị Kim N. Về con chung đề nghị giao con là Trần Minh Thắng cho bà N nuôi dưỡng, về vấn đề cấp dưỡng nuôi con bà N không

yêu cầu nên không đặt ra để xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, bà Trịnh Thị Kim N xác định bà và ông Trần Thanh L tự thỏa thuận giải quyết với nhau, về nợ chung bà Trịnh Thị Kim N xác định bà và ông Trần Thanh L không có nên không đặt ra để xem xét, giải quyết đối với tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Thanh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt ông Trần Thanh L theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị Kim N và ông Trần Thanh L chung sống với nhau từ năm 1994 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng đến năm 2000 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 22/12/2000. Cuộc sống chung của vợ chồng không được hòa thuận hạnh phúc nên bà N làm đơn xin ly hôn. Xét thấy, vợ chồng bà N và ông L phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nhưng hai bên đều cố chấp nên việc ai người đó tự làm không quan tâm đến nhau, không cố gắng tìm biện pháp nhằm cải thiện tình cảm vợ chồng. Bản thân ông L không đồng ý ly hôn nhưng cũng không thể hiện thiện chí nhằm cải thiện tình cảm vợ chồng. Cụ thể, trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông L nhưng ông L đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Còn bà N đã mấy lần làm đơn ly hôn nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể cải thiện được và đã tự sống ly thân từ tháng 02/2019 đến nay. Đồng thời việc ông bà chưa dứt khoát trong quan hệ tình cảm là vì ràng buộc bởi con chung chứ thực tế không phải còn tình cảm với nhau. Vì vậy, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trịnh Thị Kim N, xử cho bà Trịnh Thị Kim N và ông Trần Thanh L được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Bà Trịnh Thị Kim N và ông Trần Thanh L có có hai con chung là Trần Minh C, sinh ngày 23/7/1997 và Trần Minh Thắng, sinh ngày 15/01/2004. Hiện nay cháu C đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường

nên không đặt ra để xem xét giải quyết mà đây là trách nhiệm chung của ông L, bà N đối với con. Đối với cháu Thắng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương đến lấy lời khai nguyện vọng của cháu Thắng nhưng cháu không muốn ba mẹ ly hôn nên cháu không hợp tác. Hơn nữa, hiện nay cháu Thắng đã gần đủ tuổi trưởng thành và đã đi làm, có thu nhập, bên cạnh đó hiện nay cháu Thắng vẫn đang sinh sống cùng bà Nguyêt, còn ông L đi làm thường xuyên vắng nhà. Vì vậy, căn cứ Điều 81 luật hôn nhân và gia đình, giao con là Trần Minh Thắng, sinh ngày 05/01/2004 cho bà Trịnh Thị Kim N có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Trần Thanh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Bà Trịnh Thị Kim N xác định bà và ông Trần Thanh L tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Trịnh Thị Kim N xác định bà và ông Trần Thanh L không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, còn ông Trần Thanh L không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết về phần tài sản chung và nợ chung trong vụ án này. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp về vấn đề tài sản và có yêu cầu thì sẽ xem xét bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Buộc bà Trịnh Thị Kim N phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trịnh Thị Kim N, xử cho bà Trịnh Thị Kim N và ông Trần Thanh L được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con là Trần Minh Thắng, sinh ngày 15/01/2004 cho bà Trịnh Thị Kim N có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Trần Thanh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

2. Về án phí: Bà Trịnh Thị Kim N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Trịnh Thị Kim N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0007294 ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, bà Trịnh Thị Kim N đã nộp đủ án phí.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự".

Báo cho bà Trịnh Thị Kim N biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/7/2020). Riêng ông Trần Thanh L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Ban Tư pháp xã Tân Văn;
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Thúy